

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2022/HCPT

Ngày: 13/6/2022

V/v: Khiếu kiện quyết định  
hành chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Hoa**;

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thanh Xuân**;

**Ông Hoàng Mạnh Hùng.**

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 02/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2022 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4713/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Việt B, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố T N, thị trấn H T, huyện Y T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Ông Tạ Huy H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố T N, thị trấn H T, huyện Y T, tỉnh Hòa Bình (Giấy ủy quyền công chứng ngày 13/11/2020). Có mặt

**2. Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. Xin xét xử vắng mặt

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Quách Tất L - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. Xin xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y T, tỉnh Hòa Bình. Xin xét xử

vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Văn H – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Y T. Xin xét xử vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình**

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Quách Tất L - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. Xin xét xử vắng mặt.

**3.2. Ủy ban nhân dân huyện Y T, tỉnh Hòa Bình.**

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Văn H – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Y T. Xin xét xử vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Dũng T – Luật sư Văn phòng luật sư Trần Dũng Tiến thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình. Có mặt

**3.3. Công ty TNHH MTV 2/9 Hòa Bình; địa chỉ: Khu 2, thị trấn H T, huyện Y T, tỉnh Hòa Bình. Xin xét xử vắng mặt**

**3.4. Bà Trịnh Thị H; sinh năm 1975. Vắng mặt**

**3.5. Chị Nguyễn Hồng V; sinh năm 2002. Vắng mặt**

Cùng địa chỉ: Khu phố T N, thị trấn H T, huyện Y T, tỉnh Hòa Bình;

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H, chị V:* Ông Tạ Huy H (Giấy ủy quyền công chứng ngày 12/4/2021). Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Hòa Bình và Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình:*

- Ông Nguyễn Văn S - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình. Có mặt

- Ông Lưu Văn T - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Phương Đ – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình. Có mặt

**4. Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Nguyễn Việt B

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 của ông Nguyễn Việt B và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Nguyễn Việt B trình bày:*

Ngày 23/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện Y T đã ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng dự án: Xây dựng Khu công nghiệp L T và

Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với khu đất 77,4ha, theo đó hộ gia đình được áp giá bồi thường: 5.000 đồng/1 cây Na, Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là 10%, Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 1 lần giá đất nông nghiệp.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện, ngày 20/6/2019 ông B có đơn khiếu nại, nội dung:

*Thứ nhất:* Khiếu nại được bồi thường thiệt hại do Công ty TNHH MTV nông trường 2-9 vi phạm hợp đồng, đề nghị được đền bù thời gian còn lại về đất khi nhà nước thu hồi đất khoán.

*Thứ hai:* Khiếu nại về việc áp giá cây Na đã được kiểm đếm trong biên bản năm 2011 với giá 30.000 đồng/cây, tuy nhiên năm 2016 lại bị áp giá theo cây trong vườn ươm với giá 5.000đ/cây là không đúng. Đề nghị được áp giá theo thời điểm năm 2014, với giá 43.000đ/cây.

*Thứ ba:* Khiếu nại việc chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức hỗ trợ 1 lần giá đất nông nghiệp. Đề nghị được áp dụng mức hỗ trợ là 2,5 lần giá đất nông nghiệp đối với cây trồng hàng năm khác.

*Thứ tư:* Khiếu nại việc chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% giá đất. Đề nghị được hỗ trợ 100% giá đất cùng loại.

*Thứ năm:* Khiếu nại không được bồi thường thiệt hại do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm nhưng đến năm 2016 không được nhà nước thu hồi.

Ngày 01/10/2019 Chủ tịch UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 1915/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Việt B, nội dung không thừa nhận 4 nội dung khiếu nại thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư và thừa nhận nội dung khiếu nại thứ 5.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y T, ông B tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, ngày 31/3/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 672/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Việt B, nội dung không thừa nhận nội dung khiếu nại thứ hai, thứ ba, thứ tư, đối với nội dung khiếu nại thứ nhất là việc tranh chấp dân sự giữa các hộ và nông trường 2/9 đề nghị ông B có đơn khởi kiện đến Tòa án và thừa nhận nội dung khiếu nại thứ 5.

Ngày 17/8/2020, 02/10/2020 ông B có đơn khởi kiện vụ án hành chính gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình: Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 1915/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch

UBND huyện Y T, buộc UBND huyện Yên Thủy chấp nhận khiếu nại về việc: Mức áp giá cây Na đã kiểm đếm năm 2011 được bồi thường là 43.000đ/1 cây như năm 2014; mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi là 2,5 lần giá đất nông nghiệp; Mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp, như đã công bố năm 2014.

Ngày 20/8/2021 ông Nguyễn Việt B có đơn bổ sung đơn khởi kiện, nội dung bổ sung: Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình và yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 672 ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình.

*Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Y T trình bày:*

Năm 2008 Nông trường 2/9 Hòa Bình nay là Công ty TNHH MTV 2/9 Hòa Bình đã ký Hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp với các hộ dân, nội dung hợp đồng giao khoán không quá 30 năm đối với đất trồng cây lâu năm và 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm.

Ngày 02/6/2015 UBND tỉnh Hòa Bình ủy quyền cho UBND huyện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật đất đai năm 2013 theo quyết định số 15/2015/QĐ-UBND (kèm theo quyết định số 24).

Ngày 23/12/2016 UBND huyện Y T đã ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng dự án: Xây dựng Khu công nghiệp L T (khu đất 77,4ha) và ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 4) dự án: Xây dựng khu công nghiệp L T (khu đất 77,4ha).

Ngày 20/6/2019 ông Nguyễn Việt B đứng đơn (tổng 40 hộ, trong đó có hộ ông Nguyễn Việt B) khiếu nại một số nội dung liên quan đến việc ảnh hưởng bởi dự án khu công nghiệp L T. Ngày 01/10/2019 Chủ tịch UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 1915/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Việt B, nội dung như người khởi kiện trình bày.

*Đối với khiếu nại 1:* Không có trong quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

*Đối với khiếu nại 2:* Ủy ban nhân dân huyện đã có thông báo thu hồi đất từ năm 2011; đã lập, thẩm định phương án bồi thường từ năm 2012 nhưng chưa được UBND tỉnh phê duyệt phương án, do nhà đầu tư không bố trí vốn, liên tục thay đổi nhân sự và không thường xuyên phối hợp thực hiện công tác GPMB dẫn đến việc lập, phê duyệt phương án bồi thường kéo dài đến năm 2016. Về cơ chế chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của Chính phủ và

của UBND tỉnh Hoà Bình tại thời điểm quý IV năm 2016.

Năm 2016 trên cơ sở hướng dẫn tại Công văn số 64/BCĐ-GPMB ngày 06/9/2011 của Ban chỉ đạo công tác bồi thường GPMB&HT TĐC về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu công nghiệp L T, huyện Y T và Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc trả lời văn bản số 343/UBND-GPMB ngày 03/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Y T và căn cứ biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất. Khi thực hiện kiểm kê tài sản của các hộ dân tại khu đất 77,4ha khu công nghiệp L T có 99/148 hộ có tài sản là cây na dai mới trồng dưới 1 năm, tuy nhiên thực tế cây na dai mới trồng dưới 1 năm của các hộ dân có kích thước nhỏ, độ cao trung bình 0,2m đến 1m, thân cây nhỏ (đường kính từ 0,5cm - 1cm); chưa đến giai đoạn trưởng thành; chưa cho thu hoạch; mật độ không đảm bảo theo hướng dẫn tại Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 của Sở Nông nghiệp & PTNT và đa phần là trồng xen (trồng dưới tán cây ăn quả khác, xen trong chè, xen trong mía, xen trong sắn,...) nên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB khu công nghiệp L T khi lập phương án bồi thường đã áp dụng đơn giá đối với cây na dai mới trồng dưới 1 năm theo đơn giá cây na dai trong vườn ươm: 5.000 đồng/cây được quy định tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình. Việc thay đổi giá cây Na là do UBND tỉnh thay đổi giá cho phù hợp với chuyển biến của tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Hoà Bình. Do đó khiếu nại yêu cầu áp giá cây Na là 43.000 đ/1 cây là không có căn cứ.

*Đối với khiếu nại 3, và khiếu nại 4:* Do một số nguyên nhân khách quan nên việc áp giá kéo dài đến năm 2016, Năm 2011 thực hiện theo Quyết định 19 của UBND tỉnh, đến năm 2014 thực hiện theo quyết định số 24 ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hoà Bình, tại quyết định số 24 như các hộ có ý kiến là Mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp và Mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp nhưng ngày 12/5/2016 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 16, sửa đổi khoản 3 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 Quyết định số 24 ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hoà Bình quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất *(có hiệu lực thi hành ngày 22/5/2016)* thì Mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình bằng 1 lần giá đất nông nghiệp và Mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% giá đất nông nghiệp. Do đó khiếu nại 3, 4 là không có căn cứ.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y T là khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Chủ tịch UBND huyện Y T giữ nguyên quyết định 1915.

*Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình trình bày:*

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông B khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1915/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T. Ngày 13/11/2019 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2536/QĐ-UBND về việc giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông B.

Ngày 22/11/2019 Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 392/QĐ-STNMT về việc thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại và Quyết định số 73/QĐ-STNMT ngày 10/02/2020 về việc gia hạn thời hạn thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Sau khi tiến hành thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại, Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 12/BC-STNMT ngày 16/01/2020 và Báo cáo số 33/BC-STNMT ngày 27/02/2020, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả giải quyết.

Chủ tịch UBND tỉnh đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 672/QĐ-UBND, về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với Bắc.

Liên quan đến việc khởi kiện của ông B, Chủ tịch UBND tỉnh làm rõ một số nội dung sau:

1. Lý do năm 2011 đã thực hiện kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất nhưng đến ngày 23/12/2016 mới ban hành Quyết định về thu hồi đất và Quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, do sau khi kiểm đếm năm 2011 nhà đầu tư không bố trí kinh phí và liên tục thay đổi nhân sự, thậm chí còn có thông tin nhà đầu tư không tiếp tục thực hiện dự án do biến động của Công ty mẹ ở nước ngoài. Thực hiện kết luận của lãnh đạo UBND tỉnh tại buổi làm việc bàn về gia hạn thời gian thực hiện Dự án nhà máy Bia Tiệp và dự án đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp L T, huyện Y T (TB số 5028/TB-VPUBND ngày 29/9/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Hoà Bình); Căn cứ quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 34, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND huyện Y T tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với diện tích 77,40 ha. Về số liệu kiểm kê đất đai, tài sản trong phương án bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện theo hồ sơ kiểm kê từ năm 2011 (*do tại thời điểm năm 2016, hiện trạng mặt bằng khu đất của các hộ đã thay đổi không còn tài sản, cây cối hoa màu trên đất và người dân cũng không có ý kiến về việc tiếp tục sử dụng số liệu kiểm kê từ năm 2011 để lập phương án bồi thường, hỗ trợ*). Về cơ chế chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của Chính phủ và của UBND tỉnh tại thời điểm quý IV năm 2016. Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 77,40 ha đất nêu trên đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (GPMB) Khu công nghiệp L T đã thực hiện công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đến người dân theo quy định của Luật Đất đai năm

2013.

Đối với việc các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do chấp hành thông báo thu hồi đất, ngừng sản xuất từ năm 2012 nhưng chưa được chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB, UBND huyện Y T đã báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ khác do ngừng sản xuất tại Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 15/11/2016, mức hỗ trợ: 2.750 đồng/m<sup>2</sup>/năm trong thời gian 5 năm (từ năm 2012 đến năm 2016). Đến ngày 23/12/2016, UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với khu đất 77,40 ha.

2. Việc đơn giá cây Na khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu đất 77,4 ha: Thực hiện Luật Đất đai ngày 29/11/2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định liên quan trong lĩnh vực đất đai, UBND tỉnh Hòa Bình có Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 về việc ban hành “Bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi Nhà nước thu hồi đất” trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (*thay thế Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 19/9/2011*) và Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 về việc bổ sung vào mục IV nhóm cây ăn quả tại Phụ lục IV đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014. Theo đó, đơn giá bồi thường đối với tài sản là “Cây na mới trồng dưới 1 năm” (*Cây na được kiểm kê năm 2011 theo thông báo thu hồi đất số 147/TB-UBND ngày 29/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Y T*) không quy định cụ thể mà chỉ có đơn giá của các cây na: Chưa có quả; Cây đã cho thu bói; cây đã cho thu hoạch và cây giống trong vườn ươm (5.000 đồng/cây).

Theo số liệu kiểm kê từ năm 2011 cây na mới trồng dưới 1 năm của các hộ chưa đến giai đoạn trưởng thành; có kích thước nhỏ, độ cao trung bình 0,2m đến 0,5m, thân cây nhỏ (đường kính từ 0,5cm - 1cm) được trồng với mật độ dày; Trồng xen (trồng dưới tán cây ăn quả khác, xen trong chè) và trồng trên phần diện tích đã trồng mía, sắn, ngô và cây hàng năm khác, mật độ bình quân là 5.337 cây/ha, có nhiều hộ trồng mật độ rất dày trên 10.000 cây/ha không theo đúng quy trình kỹ thuật về trồng trọt (*Theo Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình, quy trình kỹ thuật để cây sinh trưởng và phát triển tốt nhất, cho hiệu quả kinh tế cao nhất, mật độ cây là từ 800 đến 1.300 cây/ha và các Quy trình khuyến nông của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*). Với mật độ dày và nhiều chủng loại cây trồng trên cùng thửa đất, khi cây na bước vào thời kỳ trưởng thành (trên 1 năm) cây không đảm bảo sinh trưởng, phát triển bình thường, một số có thể chết do cạnh tranh ánh sáng, nguồn thức ăn, số còn lại không cho hiệu quả kinh tế. Bên cạnh đó đối với các loại cây trồng đang sinh trưởng, phát triển tốt như: Cây ăn

quả khác, chè, mía, sắn, ngô và cây hàng năm khác trên cùng diện tích đất thu hồi (*được trồng trước thời điểm trồng cây na*) đã được đền bù 100% theo diện tích các loại cây đã được kiểm kê (*Tổng diện tích đền bù của các loại cây trồng này đều bằng và lớn hơn diện tích của thửa đất bị thu hồi có trồng cây na*). Ngoài ra, khi Hội đồng giải phóng mặt bằng kiểm kê khu đất 77,40 ha thì các hộ đã thực hiện trồng xen cây, tài sản trên đất tăng lên nhiều so với khu đất 33,6 ha. Đối với cây Na mới trồng dưới 1 năm của các hộ dân ngoài thực địa trồng rất dày, số lượng nhiều có sức sinh trưởng, phát triển (*tuổi cây, độ cao, đường kính thân*) chỉ tương đương với cây trong vườn ươm đã đủ điều kiện xuất vườn. Qua đó cho thấy có dấu hiệu các hộ dân trồng cây với mục đích trục lợi chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng.

Về chính sách bồi thường, hỗ trợ, GPMB thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2013, hướng dẫn của Chính phủ và của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm quý IV năm 2016, trong đó đã thực hiện một số chính sách mới tại thời điểm, như: Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm (*Theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình*); Hỗ trợ khác do ngừng sản xuất (*Theo Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 15/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình*).

Trên cơ sở hướng dẫn tại Công văn số 64/BCĐ-GPMB ngày 06/9/2011 của Ban Chỉ đạo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư, về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu công nghiệp L T, huyện Y T, căn cứ biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất và cơ chế, chính sách bồi thường tại thời điểm năm 2016. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB Khu công nghiệp L T khi lập phương án bồi thường đã áp dụng đơn giá đối với cây na dai mới trồng dưới 01 năm theo đơn giá cây na dai trong vườn ươm: 5.000 đồng/cây, theo đúng quy định tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình.

3. Đối với nội dung khiếu nại 3 và khiếu nại 4: Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Ngày 25/9/2014, UBND tỉnh Hoà Bình ban hành Quyết định số 24/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hoà Bình; ngày 11/5/2016, UBND tỉnh Hoà Bình ban hành Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND về việc sửa đổi Khoản 3 Điều 15; Tại khoản 1 Điều 16 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình. Tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1 quy định về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 16: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nêu: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại Điểm d



Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của Nông trường quốc doanh, Lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định bằng 01 lần giá đất nông nghiệp.

Việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư Khu công nghiệp L T áp dụng mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất cho các hộ nhận khoán với mức bằng 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định pháp luật.

Đối với mức chi trả tiền hỗ trợ sản xuất từ 100% giá đất nông nghiệp xuống còn 10%, do các hộ nhận khoán không có hồ sơ, tài liệu, hóa đơn chứng từ chứng minh việc đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư Khu công nghiệp L T áp dụng đúng quy định tại Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình.

Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông B là khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Chủ tịch UBND tỉnh giữ nguyên nội dung quyết định trên. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông B.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – UBND tỉnh Hòa Bình trình bày:* Các văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành có liên quan trong việc giải quyết các vụ án nêu trên được xây dựng, ban hành theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan -UBND huyện Yên Thủy trình bày:* Việc ban hành các quyết định thu hồi đất, hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng đúng theo trình tự thủ tục, thẩm quyền. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình bác toàn bộ đơn khởi kiện của người khởi kiện.

*Ý kiến trình bày của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y T:* Nhất trí với ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình và Chủ tịch UBND huyện Y T. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

*Ý kiến trình bày của Công ty TNHH MTV 2-9 Hòa Bình tại văn bản số 110/CV-Cty ngày 28/12/2020:* Khu công nghiệp L T tại huyện Y T được triển khai từ tháng 6/2011 trên diện tích đất do công ty quản lý, quá trình thực hiện

việc thu hồi đất Công ty đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công ty đã thực hiện bàn giao toàn bộ diện tích đất nằm trong dự án Khu công nghiệp L T theo đúng tiến độ, đúng quy định. Việc công nhân lao động khởi kiện ra Tòa về việc bồi thường sẽ do Hội đồng GPMB và UBND huyện Y T giải quyết. Công ty đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến trình bày của bà Trịnh Thị H và chị Nguyễn Hồng V:* Nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Việt B.

*Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/3/2021:* Hiện trạng trên diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Việt B không còn cây Na nào.

Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt B về việc yêu cầu “hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1915/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T và hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 672/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình” do không có căn cứ pháp luật.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt B về việc “*buộc UBND huyện Yên Thủy và UBND tỉnh Hòa Bình chấp nhận khiếu nại về mức áp giá cây Na đã kiểm đếm năm 2011 được bồi thường với giá 43.000đ/cây, mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp, mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp*” do không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02 tháng 10 năm 2021, người khởi kiện ông Nguyễn Việt B có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Ý kiến của Người khởi kiện, Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính và đề nghị buộc Ủy ban nhân dân áp giá cây na 43.000đ/cây, hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp, hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp. Bởi vì, không có căn cứ về việc cây na mới trồng là cây na vườn ươm, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND sửa đổi khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 16 của Quyết định

số 24/2014/QĐ-UBND giảm mức hỗ trợ chuyển đổi nghề bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp xuống còn 1 lần và hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp giảm xuống còn 10% là không có căn cứ, vì kinh tế tỉnh Hòa Bình năm 2016 không giảm so với năm 2014.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Y T, tỉnh Hòa Bình có ý kiến:* Giữ nguyên các ý kiến và tài liệu đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Hòa Bình:* Đồng ý với Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện.

*Ý kiến của đại diện Ban giải phóng mặt bằng:* Đối với hộ ông Nguyễn Việt B đã được áp dụng đủ, đúng quy định về thống kê, bồi thường, hỗ trợ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*

Về việc chấp hành pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung kháng cáo: UBND huyện Y T phê duyệt phương án bồi thường đối với cây na mới trồng là 5.000đ/cây, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% và mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm bằng 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Việt B; Giữ nguyên quyết định tại Bản án số 05/2021/HC-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Việt B làm trong thời hạn luật định, hình thức, nội dung phù hợp quy định, do vậy được xem xét theo trình thủ tục phúc thẩm.

[2] Sự vắng mặt của các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, do vậy, Hội đồng xét xử, tiếp tục xét xử theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Việt B (lần đầu); Quyết định 672/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Việt B (lần 2) là đúng quy định tại Điều 3, Điều 30 Luật tổ tụng hành chính, ông Nguyễn Việt B có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 Luật tổ tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 1915/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Y T, tỉnh Hoà Bình ban hành ngày 01/10/2019, và quyết định số 672/QĐ-UBND của chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành ngày 31/3/2020, đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Nguyễn Việt B gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình ngày 17/8/2020. Như vậy, đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[5] Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình thụ lý, giải quyết sơ thẩm yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 01/10/2019, của Chủ tịch UBND huyện Y T, tỉnh Hoà Bình và Quyết định số 672/QĐ-UBND, ngày 31/3/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[6] Về nội dung kháng cáo: Người khởi kiện yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện, huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1915/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T, tỉnh Hòa Bình và huỷ quyết định giải quyết khiếu nại số 672/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, buộc UBND huyện Yên Thủy và UBND tỉnh Hòa Bình chấp nhận khiếu nại về mức áp giá cây Na đã kiểm đếm năm 2011 được bồi thường với giá 43.000đ/cây, mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp, mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp. Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] *Về thẩm quyền ban hành:* Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T, tỉnh Hoà Bình là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Việt B do Chủ tịch UBND huyện Y T, tỉnh Hòa Bình ký và quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 là quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 do Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ký là đúng thẩm quyền theo quy định của khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[8] *Về hình thức văn bản, trình tự, thủ tục ban hành:* Quyết định số 1915/QĐ-UBND của chủ tịch UBND huyện Y T và quyết định số 672/QĐ-UBND của chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình được ban hành theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính là đúng quy định của pháp luật về hình thức văn bản, trình tự, thủ tục ban hành khi giải quyết khiếu nại.

[9] Xét các quyết định có liên quan.

[10] - Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

[11] - Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc ban hành bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

[12] - Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của UBND tỉnh Hòa Bình sửa đổi Điều 29 của Quyết định số 24 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

[13] - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình sửa đổi khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 16 của Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014.

[14] - Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc bổ sung vào mục IV nhóm cây ăn quả tại phức lục IV đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014.

[15] - Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện Y T về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng: dự án Xây dựng Khu công nghiệp L T (khu đất 77,4ha) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ủy quyền tại điểm b, khoản 3 Điều 29 Quyết định số 24 /2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình và Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của UBND tỉnh Hoà Bình sửa đổi Điều 29 của Quyết định số 24 /2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình.

[16] - Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện Y T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 4) dự án: dự án Xây dựng Khu công nghiệp L T (khu đất 77,4ha).

[17] Xét thấy, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác định các quyết định trên được UBND tỉnh, UBND huyện Y T ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

*Về nội dung:*

[18] Ngày 01/8/2008 Nông trường 2/9 Hoà Bình (nay là Công ty TNHH

MTV 2/9 Hoà Bình) ký hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp số 118/2008/HĐ với ông Nguyễn Việt B, diện tích đất giao khoán là 7.414 m<sup>2</sup>, đất trồng chè, cam, vải, nhãn, thời gian giao khoán là 30 năm đối với đất trồng cây lâu năm, 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm.

[19] Ngày 29/6/2011, Ủy ban nhân dân huyện Y T đã ban hành Thông báo số 147/TB-UBND thông báo thu hồi đất thực hiện xây dựng Khu công nghiệp Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy.

[20] Năm 2011 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y T lập biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất.

[21] Ngày 23/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện Y T đã ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng dự án: Xây dựng Khu công nghiệp L T và Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với khu đất 77,4ha, theo đó hộ gia đình được áp giá bồi thường: 5.000 đồng/1 cây Na, Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là 10% giá đất nông nghiệp, Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 1 lần giá đất nông nghiệp.

[22] Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện, ngày 20/6/2019 ông Nguyễn Việt B có đơn khiếu nại và đã được giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1915/QĐ-UBND, ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Việt B (lần đầu)

[23] Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y T, ông B tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, ngày 31/3/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 672/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Việt B (Lần 2).

[24] *Về nội dung giải quyết khiếu nại thứ nhất:* Theo Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Y T và quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình: Hợp đồng giao khoán giữa nông trường 2/9 với các hộ dân là Hợp đồng dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Tại bản tự khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Việt B đồng ý với quyết định trả lời khiếu nại lần đầu và lần hai.

[25] *Về nội dung giải quyết khiếu nại thứ hai:* Theo biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất ngày 7/9/2011 của hộ gia đình ông Nguyễn Việt B thể hiện: Tại thửa đất số 93 tờ bản đồ 8, Diện tích đất thu hồi 4.437 m<sup>2</sup>, tổng diện tích đất sử dụng để canh tác là 4.650m<sup>2</sup>, Na dai mới trồng là 2.449,0 cây, Mía trồng tập trung 2759 cây, sắn trồng tập trung 1.479 cây, cây ăn quả 412 cây, chênh lệch đất để trồng các loại khác âm 213m<sup>2</sup>, số lượng cây Na trồng theo đúng yêu cầu kỹ thuật tại công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 là 577

cây. Như vậy, cây Na dai mới trồng của hộ ông Nguyễn Việt B có kích thước nhỏ, độ cao trung bình 0,2m đến 1m, thân cây nhỏ (đường kính từ 0,5cm - 1cm); chưa đến giai đoạn trưởng thành; chưa cho thu hoạch; mật độ không đảm bảo theo hướng dẫn tại Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 của Sở Nông nghiệp & PTNT, đa phần là trồng xen (trồng dưới tán cây ăn quả khác, xen trong mía, xen trong sắn,...).

[26] Theo Công văn số 64/BCĐ-GPMB ngày 06/9/2011 của Ban chỉ đạo CT BT GPMB&HT TĐC về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu công nghiệp L T, huyện Y T, Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc trả lời văn bản số 343/UBND-GPMB ngày 03/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Y T và biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất thì đơn giá cây Na dai mới trồng của hộ ông Nguyễn Việt B được áp đơn giá theo đơn giá cây Na dai trong vườn ươm là 5.000 đồng/cây, được quy định tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác định hiện trạng trên đất giao khoán cho ông Nguyễn Việt B không có cây na nào, nên căn cứ biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất để xem xét áp giá là có căn cứ. Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy việc áp giá đền bù đối với cây na dai mới trồng của hộ ông Nguyễn Việt B theo đơn giá cây Na dai trong vườn ươm là 5.000 đồng/cây, quy định tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình là có căn cứ. Tại phiên tòa, Người khởi kiện cung cấp tài liệu so sánh là hộ ông Phan Văn Thành được bồi thường 43.000đ/cây na. Về nội dung này, đại diện Ban giải phóng mặt bằng cho biết có sự sai sót trong việc áp giá cây na với hộ ông Thành và đã có quyết định sửa đổi áp giá 5.000đ/cây na, bằng với các hộ khác. Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Việt B yêu cầu được áp giá bồi thường cây na 43.000đ/cây là không có căn cứ chấp nhận.

[27] Về nội dung giải quyết khiếu nại thứ 3 và thứ 4: Tại điểm a, b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47 quy định: “a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương; b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương”

[28] Căn cứ quy định nêu trên, ngày 12/5/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình ban hành Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND, về việc sửa đổi Khoản 3 Điều 15; Khoản 1 Điều 16 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. Tại điểm b, khoản 2, Điều 1 quy định về việc sửa đổi khoản 1 Điều 16: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông

ng nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ bằng 01 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi. Sửa đổi khoản 3 Điều 15: Mức hỗ trợ sản xuất bằng 10% giá của loại đất nông nghiệp bị thu hồi. Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình đã được áp dụng chung trong toàn tỉnh Hòa Bình là đúng quy định của pháp luật và có hiệu lực tại thời điểm ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện Y T và Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện Y T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 4) dự án: dự án Xây dựng Khu công nghiệp L T (khu đất 77,4ha).

[29] Do đó, việc áp mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% giá của loại đất nông nghiệp bị thu hồi và mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 01 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi đối với hộ ông Nguyễn Việt B là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông Nguyễn Việt B yêu cầu mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi là 2,5 lần giá đất nông nghiệp, mức chi trả tiền hỗ trợ đời sống và sản xuất bằng 100% giá trị đất nông nghiệp, như công bố năm 2014 là không có căn cứ chấp nhận.

[30] *Về nội dung giải quyết khiếu nại thứ năm:* Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Y T và lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình đã chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Việt B, tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm ông B đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thứ 5 này.

[31] Như vậy, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại số 1915/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T và Quyết định giải quyết khiếu nại số 672/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình là đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt B, về việc yêu cầu “hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1915/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T và hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 672/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình; Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt B về việc “*buộc UBND huyện Yên Thủy và UBND tỉnh Hòa Bình chấp nhận khiếu nại về mức áp giá cây Na đã kiểm đếm năm 2011 được bồi thường với giá 43.000đ/cây, mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp, mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp*”, do không có căn cứ pháp luật là có căn cứ, đúng quy định. Ông Nguyễn Việt B kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới, nên kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.



[32] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị không chấp nhận kháng cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định.

[33] Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo của người khởi kiện Nguyễn Việt B không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

2. Tuyên xử:

2.1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Việt B. Giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

2.2. Về án phí: Ông Nguyễn Việt B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000969 ngày 12/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVÁ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Hoa**

